CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BKD

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BKD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BKD.,JSC

Tên công ty viết tắt: BKD trading service joint stock company

2. Mã số doanh nghiệp: 0109477496

3. Ngày thành lập: 29/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38 - Ngõ 102 – Đường Nguyễn Đổng Chi - Tổ 2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0969821981* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Buôn bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và chuyên dụng	*4649*
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Buôn bán thiết bị bưu chính viễn thông, tin học	*4652*
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành cơ khí, ngành điện, thiết bị tự động hóa, thiết bị báo cháy, báo khói, bảo vệ , thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị máy móc phục vụ ngành xây dựng	*4659*
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Buôn bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất, inox	*4663*
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
7.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
9.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321(Chính)*
10.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
12.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
13.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*

14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành,, bảo trì các sản phẩm công ty kinh doanh.	*3312*
15.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
16.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	*3320*
18.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
19.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất	*7410*
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cơ khí và điện	*7490*
22.	Cung ứng lao động tạm thời	*7820*
23.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	*7830*
24.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất, chế tạo, thi công kết cấu thép, khung, nhà xưởng	*2511*
25.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông, tin học	*2610*
26.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Sản xuất hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và chuyên dụng	*2750*
27.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ ngành cơ khí, ngành điện, thiết bị tự động hóa, thiết bị báo cháy, báo khói, bảo vệ , thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị máy móc phục vụ ngành xây dựng	*2829*
28.	Lập trình máy vi tính	*6201*
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
31.	Sản xuất điện	*3511*
32.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
33.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
34.	Xây dựng công trình đường sắt	*4211*
35.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
36.	Xây dựng công trình điện	*4221*
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
39.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
40.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*

41.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
43.	Phá dỡ	*4311*
44.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	*4312*
45.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
47.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
49.	Tái chế phế liệu	*3830*
50.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	*3900*
51.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
52.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	*8129*
53.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
55.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	*4513*
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa	*4610*
57.	Đại lý du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa và các dịch vụ khách du lịch	*7911*
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách	*4932*
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa	*4933*
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
62.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	*6820*
63.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
64.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
65.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
66.	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	*0118*
68.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
71.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
73.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*

74.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
75.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
76.	Bán buôn đồ uống	*4633*
77.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh (Theo điều 28 luật thương mại 2005)	*8299*

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 180.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỒNG DUY TÚ	Thôn Đông Nghĩa, Xã An Lâm, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	81.000	810.000.000	45,000	142038213	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	81.000	810.000.000	45,000		

2	ĐỒNG TUẤN SÂM	Thôn Đông Nghĩa, Xã An Lâm, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	141631715	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		
3	NGUYỄN MINH TRANG	Tổ dân phố số 15, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.000	630.000.000	35,000	013033397	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	63.000	630.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: ĐỒNG DUY TÚ Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/04/1981* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142038213*

Ngày cấp: *10/03/2014* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Nghĩa, Xã An Lâm, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đông Nghĩa, Xã An Lâm, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội